

Số: 12 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện, sử dụng và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC6.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

PHỤ LỤC 01: PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán thu, chi NS từ nguồn thu năm 2023					Dự toán giao	Dự toán chi ngân sách năm 2023				Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ tại NS cấp tỉnh	Nguồn cải cách tiền lương năm 2023			Mã số quan hệ ngân sách, Chương- Loại - Khoản	KBNN nơi giao dịch	Ghi chú
		Tổng số thu	Trong đó		Số nộp ngân sách	Số được để lại chi từ nguồn thu (Sau khi trích CCTL theo qui định)		Tổng dự toán NSNN cấp	Trong đó				Tổng cộng	Nguồn cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang	Nguồn cải cách tiền lương trích từ nguồn thu năm 2023			
			Thu học phí	Thu khác					Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở							
		1=2+3	2	3	4	5	6=7+11	7=8+9+10-11	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	
	Tổng cộng	73.444.000.000	72.544.000.000	900.000.000	0	67.573.000.000	296.798.000.000	290.914.000.000	9.959.000.000	284.946.000.000	1.893.000.000	5.884.000.000	38.751.000.000	32.880.000.000	5.871.000.000			
I	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo						10.280.000.000	9.910.000.000	9.959.000.000		321.000.000	370.000.000				1043487-C422-L340-K341	2811	0
II	Các đơn vị sự nghiệp	73.444.000.000	72.544.000.000	900.000.000	0	67.573.000.000	286.518.000.000	281.004.000.000	0	284.946.000.000	1.572.000.000	5.514.000.000	38.751.000.000	32.880.000.000	5.871.000.000			
1	Trường THPT Bạch Đằng	3.089.000.000	3.089.000.000			2.965.000.000	9.497.000.000	9.320.000.000		9.497.000.000		177.000.000	1.332.000.000	1.208.000.000	124.000.000	1038641-C422-L070-K074	2817	
2	Trường THPT Bãi Cháy	3.510.000.000	3.510.000.000			3.369.000.000	9.633.000.000	9.467.000.000		9.633.000.000		166.000.000	1.982.000.000	1.841.000.000	141.000.000	1038107-C422-L070-K074	2811	
3	Trường THPT Cẩm Phả	3.906.000.000	3.906.000.000			3.750.000.000	11.222.000.000	11.031.000.000		11.222.000.000		191.000.000	2.699.000.000	2.543.000.000	156.000.000	1042607-C422-L070-K074	2813	
4	Trường THPT Cửa Ông	1.705.000.000	1.705.000.000			1.637.000.000	4.984.000.000	4.888.000.000		4.984.000.000		96.000.000	1.079.000.000	1.011.000.000	68.000.000	1066417-C422-L070-K074	2813	
5	Trường THPT Đông Thành	2.118.000.000	2.118.000.000			2.033.000.000	6.699.000.000	6.578.000.000		6.699.000.000		121.000.000	404.000.000	319.000.000	85.000.000	1060738-C422-L070-K074	2817	
6	Trường THPT Đông Triều	2.893.000.000	2.893.000.000			2.777.000.000	9.089.000.000	8.924.000.000		9.089.000.000		165.000.000	1.122.000.000	1.006.000.000	116.000.000	1038344-C422-L070-K074	2815	
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	2.200.000.000	2.200.000.000			2.112.000.000	6.503.000.000	6.381.000.000		6.503.000.000		122.000.000	107.000.000	19.000.000	88.000.000	1045572-C422-L070-K074	2815	
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	2.862.000.000	2.862.000.000			2.747.000.000	8.474.000.000	8.320.000.000		8.474.000.000		154.000.000	1.568.000.000	1.453.000.000	115.000.000	1070908-C422-L070-K074	2815	
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	2.059.000.000	2.059.000.000			1.977.000.000	5.766.000.000	5.653.000.000		5.766.000.000		113.000.000	900.000.000	818.000.000	82.000.000	1040533-C422-L070-K074	2812	
10	Trường THPT Hoành Bồ	2.430.000.000	2.430.000.000			2.333.000.000	7.089.000.000	6.963.000.000		7.089.000.000		126.000.000	908.000.000	811.000.000	97.000.000	1040497-C422-L070-K074	2811	
11	Trường THPT Hòn Gai	5.256.000.000	5.256.000.000			5.046.000.000	14.196.000.000	13.939.000.000		14.196.000.000		257.000.000	4.508.000.000	4.298.000.000	210.000.000	1041244-C422-L070-K074	2811	
12	Trường THPT Lê Chân	1.659.000.000	1.659.000.000			1.593.000.000	7.539.000.000	7.377.000.000		7.539.000.000		162.000.000	255.000.000	189.000.000	66.000.000	1045327-C422-L070-K074	2815	
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	1.714.000.000	1.714.000.000			1.645.000.000	5.127.000.000	5.031.000.000		5.127.000.000		96.000.000	1.087.000.000	1.018.000.000	69.000.000	1066411-C422-L070-K074	2813	
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	2.087.000.000	2.087.000.000			2.003.000.000	6.422.000.000	6.309.000.000		6.422.000.000		113.000.000	580.000.000	496.000.000	84.000.000	1038245-C422-L070-K074	2813	
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1.125.000.000	1.125.000.000			1.080.000.000	5.427.000.000	5.310.000.000		5.427.000.000		117.000.000	202.000.000	157.000.000	45.000.000	1066580-C422-L070-K074	2818	
16	Trường THPT Minh Hà	2.046.000.000	2.046.000.000			1.964.000.000	9.434.000.000	9.227.000.000		9.434.000.000		207.000.000	825.000.000	743.000.000	82.000.000	1066421-C422-L070-K074	2817	
17	Trường THPT Mông Dương	1.730.000.000	1.730.000.000			1.661.000.000	4.701.000.000	4.605.000.000		4.701.000.000		96.000.000	312.000.000	243.000.000	69.000.000	1061952 -C422-L070-K074	2813	
18	Trường THPT Ngô Quyền	2.462.000.000	2.462.000.000			2.363.000.000	6.442.000.000	6.323.000.000		6.442.000.000		119.000.000	888.000.000	789.000.000	99.000.000	1038341-C422-L070-K074	2811	
19	Trường PT DTNT tỉnh	923.000.000	923.000.000			554.000.000	6.817.000.000	6.717.000.000		6.072.000.000	745.000.000	100.000.000	686.000.000	317.000.000	369.000.000	1007434-C422-L070-K074	2811	
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	3.773.000.000	3.773.000.000			3.622.000.000	20.369.000.000	20.036.000.000		20.369.000.000		333.000.000	3.928.000.000	3.777.000.000	151.000.000	1038346-C422-L070-K074	2811	
21	Trường THPT Trần Phú	3.726.000.000	3.726.000.000			3.577.000.000	10.236.000.000	10.050.000.000		10.236.000.000		186.000.000	1.405.000.000	1.256.000.000	149.000.000	1040581-C422-L070-K074	2818	
22	Trường THPT Uông Bí	3.645.000.000	3.645.000.000			3.499.000.000	10.241.000.000	10.064.000.000		10.241.000.000		177.000.000	2.344.000.000	2.198.000.000	146.000.000	1008146-C422-L070-K074	2812	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán thu, chi NS từ nguồn thu năm 2023					Dự toán giao	Dự toán chi ngân sách năm 2023				Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ tại NS cấp tỉnh	Nguồn cải cách tiền lương năm 2023			Mã số quan hệ ngân sách, Chương- Loại - Khoản	KBNN nơi giao dịch	Ghi chú	
		Tổng số thu	Trong đó		Số nộp ngân sách	Số được để lại chi từ nguồn thu (Sau khi trích CCTL theo qui định)		Tổng dự toán NSNN cấp	Kinh phí thực hiện tự chủ	Trong đó			Tổng cộng	Nguồn cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang	Nguồn cải cách tiền lương trích từ nguồn thu năm 2023				
			Thu học phí	Thu khác						Kinh phí không thực hiện tự chủ	Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở								Kinh phí hợp đồng 68 (do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên)
		1=2+3	2	3	4	5	6=7+11	7=8+9+10-11	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16		
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	2.025.000.000	2.025.000.000			1.944.000.000	6.140.000.000	6.026.000.000		6.140.000.000		114.000.000	939.000.000	858.000.000	81.000.000	1040548-C422-L070-K074	2811		
24	Trung tâm HN&GDTX	3.370.000.000	2.470.000.000	900.000.000		3.235.000.000	4.220.000.000	4.132.000.000		4.220.000.000		88.000.000	1.723.000.000	1.588.000.000	135.000.000	1040632-C422-L070-K075	2811		
25	Trường THPT Đàm Hà	803.000.000	803.000.000			482.000.000	8.635.000.000	8.439.000.000		8.635.000.000		196.000.000	670.000.000	349.000.000	321.000.000	1064535-C422-L070-K074	2825		
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	954.000.000	954.000.000			572.000.000	6.045.000.000	5.912.000.000		6.045.000.000		133.000.000	835.000.000	453.000.000	382.000.000	1021834-C422-L070-K074	2821		
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	520.000.000	520.000.000			312.000.000	6.534.000.000	6.359.000.000		6.534.000.000		175.000.000	504.000.000	296.000.000	208.000.000	1032557-C422-L070-K074	2814		
28	Trường THPT Quảng Hà	1.900.000.000	1.900.000.000			1.824.000.000	8.109.000.000	7.959.000.000		8.109.000.000		150.000.000	451.000.000	375.000.000	76.000.000	1046356-C422-L070-K074	2821		
29	Trường THPT Tiên Yên	1.155.000.000	1.155.000.000			693.000.000	6.253.000.000	6.135.000.000		6.253.000.000		118.000.000	884.000.000	422.000.000	462.000.000	1060777-C422-L070-K074	2814		
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	468.000.000	468.000.000			281.000.000	7.761.000.000	7.619.000.000		6.934.000.000	827.000.000	142.000.000	352.000.000	165.000.000	187.000.000	1038181-C422-L070-K074	2814		
31	Trường THPT Ba Chẽ	1.058.000.000	1.058.000.000			635.000.000	5.847.000.000	5.734.000.000		5.847.000.000		113.000.000	903.000.000	480.000.000	423.000.000	1042611-C422-L070-K074	2816		
32	Trường THPT Bình Liêu	446.000.000	446.000.000			268.000.000	6.376.000.000	6.236.000.000		6.376.000.000		140.000.000	405.000.000	227.000.000	178.000.000	1038352-C422-L070-K074	2819		
33	Trường THPT Cô Tô	446.000.000	446.000.000			268.000.000	4.851.000.000	4.756.000.000		4.851.000.000		95.000.000	326.000.000	148.000.000	178.000.000	1061364 -C422-L070-K074	2823		
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	468.000.000	468.000.000			281.000.000	7.769.000.000	7.583.000.000		7.769.000.000		186.000.000	402.000.000	215.000.000	187.000.000	1083045-C422-L070-K074	2819		
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	473.000.000	473.000.000			284.000.000	5.873.000.000	5.751.000.000		5.873.000.000		122.000.000	334.000.000	145.000.000	189.000.000	1032556 -C422-L070-K074	2822		
36	Trường THCS & THPT Quảng La	433.000.000	433.000.000			260.000.000	6.624.000.000	6.463.000.000		6.624.000.000		161.000.000	342.000.000	169.000.000	173.000.000	1032463 -C422-L070-K074	2811		
37	Trường THPT Hải Đảo	2.007.000.000	2.007.000.000			1.927.000.000	9.574.000.000	9.387.000.000		9.574.000.000		187.000.000	560.000.000	480.000.000	80.000.000	1041365-C422-L070-K074	2822		

PHỤ LỤC 02: PHÂN BỐ KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ											Tổng cộng
		Kinh phí các hoạt động sự nghiệp ngành						Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	Kinh phí tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới - Chi tiết theo phụ biểu 02	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021) - Chi tiết theo phụ biểu 03	Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	
		Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí khen thưởng toàn ngành	Kinh phí hoạt động chuyên môn - Chi tiết theo phụ biểu 01	Kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Kinh phí hội thảo Phù đồng						
	Tổng cộng	36.366.000.000	4.088.000.000	6.692.000.000	13.474.000.000	1.720.000.000	1.841.000.000	9.237.000.000	870.000.000	1.783.000.000	14.000.000.000	66.949.000.000	157.020.000.000
1	Trường THPT Bạch Đằng	60.000.000	268.000.000					311.850.000	28.000.000			1.711.500.000	2.379.350.000
2	Trường THPT Bãi Cháy	77.400.000	220.000.000					311.850.000	35.000.000			1.962.000.000	2.606.250.000
3	Trường THPT Cẩm Phả	55.050.000	134.840.000					336.150.000	36.000.000			2.167.500.000	2.729.540.000
4	Trường THPT Cửa Ông	523.898.000	118.694.000					170.100.000	17.000.000			898.500.000	1.728.192.000
5	Trường THPT Đông Thành	26.400.000	146.501.000					214.650.000	18.000.000			1.131.000.000	1.536.551.000
6	Trường THPT Đông Triều	56.400.000	254.000.000					291.600.000	31.500.000			1.650.000.000	2.283.500.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	20.400.000	44.000.000					214.650.000	23.500.000			1.221.000.000	1.523.550.000
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	21.150.000	126.000.000					271.350.000	28.000.000			1.587.000.000	2.033.500.000
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	67.500.000	62.718.000					198.450.000	17.500.000			1.107.000.000	1.453.168.000
10	Trường THPT Hoành Bồ	254.544.000	183.000.000					222.750.000	25.000.000			1.342.500.000	2.027.794.000
11	Trường THPT Hòn Gai	73.350.000	353.597.000					453.600.000	49.000.000			2.917.500.000	3.847.047.000
12	Trường THPT Lê Chân	29.100.000	112.850.000					269.700.000	22.500.000			888.000.000	1.322.150.000
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	47.250.000	180.000.000					170.100.000	12.500.000			951.000.000	1.360.850.000
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	491.370.000	164.000.000					198.450.000	20.000.000			1.143.000.000	2.016.820.000
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	38.770.000	40.100.000					195.300.000	17.000.000			615.000.000	906.170.000
16	Trường THPT Minh Hà	40.250.000	91.110.000					344.100.000	27.000.000			1.102.000.000	1.604.460.000
17	Trường THPT Móng Dương	614.628.000	99.747.000					170.100.000	17.000.000			927.000.000	1.828.475.000
18	Trường THPT Ngô Quyền	78.150.000	214.000.000					222.750.000	25.500.000			1.363.500.000	1.903.900.000
19	Trường PT DTNT Tỉnh	6.233.799.000	0					149.850.000	13.500.000			510.000.000	6.907.149.000

STT	Tên đơn vị	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ											Tổng cộng
		Kinh phí các hoạt động sự nghiệp ngành						Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hệ, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	Kinh phí tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới - Chi tiết theo phụ biểu 02	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021) - Chi tiết theo phụ biểu 03	Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	
		Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDDT	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí khen thưởng toàn ngành	Kinh phí hoạt động chuyên môn - Chi tiết theo phụ biểu 01	Kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	Kinh phí hội khỏe Phù đồng						
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	217.930.000	0					554.400.000	50.000.000		8.859.564.000	2.086.500.000	11.768.394.000
21	Trường THPT Trần Phú	795.255.000	166.200.000					328.050.000	32.500.000			2.070.000.000	3.392.005.000
22	Trường THPT Uông Bí	56.100.000	172.230.000					311.850.000	34.500.000			2.056.500.000	2.631.180.000
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	29.400.000	92.200.000					198.450.000	22.000.000			1.128.000.000	1.470.050.000
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	12.150.000	28.000.000					190.350.000	16.500.000			190.500.000	437.500.000
25	Trường THPT Đàm Hà	326.794.000	22.100.000					294.000.000	20.000.000			439.500.000	1.102.394.000
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	1.025.670.000	22.000.000					199.950.000	18.500.000			526.000.000	1.792.120.000
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	234.290.000	82.872.000					262.500.000	20.000.000			286.500.000	886.162.000
28	Trường THPT Quảng Hà	549.890.000	41.300.000					251.100.000	31.000.000			1.011.000.000	1.884.290.000
29	Trường THPT Tiên Yên	865.770.000	23.000.000					178.200.000	20.000.000			638.000.000	1.724.970.000
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	7.887.728.000	0					213.900.000	15.000.000			325.000.000	8.441.628.000
31	Trường THPT Ba Chẽ	1.607.095.000	44.704.000					170.100.000	16.500.000			570.000.000	2.408.399.000
32	Trường THPT Bình Liêu	792.180.000	153.400.000					210.000.000	16.500.000			241.000.000	1.413.080.000
33	Trường THPT Cô Tô	141.614.000	38.000.000					141.750.000	10.000.000			241.000.000	572.364.000
34	Trường THCS & THPT Hoành Mô	1.655.260.000	175.837.000					278.250.000	21.000.000			247.000.000	2.377.347.000
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	7.350.000	25.000.000					183.750.000	15.000.000			252.000.000	483.100.000
36	Trường THCS & THPT Quảng La	247.130.000	78.000.000					241.500.000	17.500.000			238.750.000	822.880.000
37	Trường THPT Hải Đảo	930.485.000	110.000.000					311.550.000	30.000.000			1.097.000.000	2.479.035.000
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	10.174.500.000	0	6.692.000.000	13.474.000.000	1.720.000.000	1.841.000.000	0	0	1.783.000.000	5.140.436.000	28.109.750.000	68.934.686.000

**PHỤ LỤC 03: PHÂN BỐ KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO LĨNH VIỆC
BẢO ĐẢM XÃ HỘI, DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Đơn vị sử dụng ngân sách
	TỔNG CỘNG (I + II):	118.000.000	
I	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	42.000.000	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo
	Công tác phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em (Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh): Tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực tư vấn tâm lý cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trong cơ sở giáo dục phổ thông	42.000.000	
II	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh (Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh)	76.000.000	
	Mô hình trường học an toàn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	76.000.000	



Phụ biểu 01: Kinh phí hoạt động chuyên môn sự nghiệp ngành giáo dục năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng	13.474.000.000	
I	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	9.367.587.000	
1	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THCS năm 2023	703.460.000	
2	Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024	2.908.465.000	
3	Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	2.821.048.500	
4	Kỳ thi lập đội tuyển của tỉnh dự thi chọn HSG quốc gia năm học 2022 - 2023	688.148.000	
5	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2023	1.504.418.000	
6	Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2022 - 2023	265.931.000	
7	Tập huấn Quy chế thi, phần mềm quản lý thi tốt nghiệp THPT	109.490.000	
8	Tập huấn chấm thi trắc nghiệm Kỳ thi tốt nghiệp THPT	21.140.000	
9	Kiểm tra công tác thực hiện KHCTCL sau đánh giá ngoài	7.086.500	
10	Xây dựng ngân hàng đề thi Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT	129.600.000	
11	Xây dựng ngân hàng đề thi Kỳ thi chọn HSG THPT.	129.600.000	
12	Kinh phí đường truyền FTTH	79.200.000	
II	LĨNH VỰC THANH TRA	497.922.000	
1	Thanh tra trường THPT Ba Chẽ	23.200.000	
2	Thanh tra trường Mầm non Vân Đồn	18.480.000	
3	Thanh tra trường THPT Yên Hưng	24.000.000	
4	Thanh tra trường THPT Chuyên Hạ Long	25.840.000	
5	Thanh tra trường tiểu học TP Cẩm Phả	20.880.000	
6	Thanh tra trường THCS thị trấn Tiên Yên	20.080.000	
7	Thanh tra trường THPT Hồng Đức	18.000.000	
8	Thanh tra TT GDNNGD TX HẢI HÀ	22.880.000	
9	Thanh tra trường THPT Đoàn Thị Điểm	19.260.000	
10	Thanh tra 6 trung tâm ngoại ngữ tại Tp Hạ Long thực hiện đề án liên kết	24.080.000	
11	Thanh tra Phòng GDĐT Quảng Yên	18.600.000	
12	Thanh tra trường THPT Bình Liêu	23.200.000	

(Handwritten signature)



TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
13	Thanh tra trường THPT Đông Thành	24.000.000	
14	Thanh tra trường TH THCS THPT Lê Thánh Tông	19.200.000	
15	Thanh tra trường THPT Nguyễn Trãi	17.700.000	
16	Thanh tra trường THPT Lê Chân	24.000.000	
17	Thanh tra thi HSG Quốc gia	7.350.000	
18	Thanh tra kỳ thi tốt nghiệp THPT (Trong tỉnh và ngoài tỉnh)	51.200.000	
19	Trang phục thanh tra	17.722.000	
20	Tập huấn thanh tra thi tuyển sinh lớp 10	20.850.000	
21	Tập huấn thanh tra thi tốt nghiệp THPT	20.850.000	
22	Tập huấn tại Bộ GDĐT	11.200.000	
23	Tập huấn công tác thanh tra, khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng	20.850.000	
24	Thẻ công tác viên thanh tra và thẻ thanh tra thi	4.500.000	
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG	1.943.167.000	
	Lĩnh vực Tiểu học	180.790.000	
1	Kiểm tra, công nhận danh hiệu thư viện trường tiểu học năm học 2022-2023	29.420.000	
2	Tham dự tổng kết nhiệm vụ năm học cấp tiểu học	12.990.000	
3	Tham gia giao lưu an toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ	13.680.000	
4	Hội nghị tổng kết năm học 2022-2023, triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục tiểu học	33.100.000	
5	Tập huấn thư viện trường tiểu học	29.660.000	
6	Tham gia tập huấn theo triệu tập của Bộ Giáo dục và Đào tạo	26.100.000	
7	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học	35.840.000	
	Lĩnh vực Trung học	1.762.377.000	
1	Tập huấn kiểm tra đánh giá Tiếng Anh theo chuẩn năng lực đầu ra	58.140.000	
2	Tập huấn về nâng cao chất lượng ôn thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn	20.190.000	
3	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học cấp trung học	38.900.000	
4	Tổ chức diễn đàn “Học sinh dân tộc thiểu số nói không với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” năm 2023	64.400.000	
5	Kiểm tra công nhận thư viện trường THCS&THPT đạt Chuẩn, Tiên tiến, Xuất sắc	71.200.000	
6	Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học	60.400.000	
7	Kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	165.300.000	

16

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
8	Tập huấn nâng cao hiệu quả ôn thi tốt nghiệp THPT - Môn lịch sử	36.570.000	
9	Thi Nghề phổ thông năm học 2022 - 2023	666.527.000	
10	Tổ chức Cuộc thi KHKT năm học 2022-2023	262.110.000	
11	Hoàn thiện dự án KHKT dự thi cấp quốc gia	16.600.000	
12	Đoàn dự thi Cuộc thi KHKT cấp quốc gia	64.300.000	
13	Thưởng học sinh, giáo viên đạt giải cấp tỉnh + Quốc gia Khoa học kỹ thuật năm học 2022-2023	224.750.000	
14	Tham dự tổng kết nhiệm vụ năm học cấp trung học	12.990.000	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN MẦM NON	660.620.000	
	Lĩnh vực Giáo dục Mầm Non	349.450.000	
1	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non tại Vân Đồn	17.000.000	
2	Tập huấn "Bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và trẻ em trong thực hiện nhiệm vụ và tham gia các hoạt động giáo dục	54.050.000	
3	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non tại Ba Chẽ	17.400.000	
4	Tập huấn Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021-2025 (năm thứ hai)	34.650.000	
5	Tập huấn "Chương trình Tôi yêu Việt Nam" trong cấp học mầm non năm học 2022-2023	35.050.000	
6	Tập huấn nâng cao năng lực tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non dạy trẻ em người dân tộc thiểu số	35.050.000	
7	Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non tư thục (năm thứ nhất)	35.050.000	
8	Tập huấn bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên do Bộ GDĐT tổ chức	18.250.000	
9	Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non năm 2023	61.050.000	
10	Dự Hội nghị tổng kết GDMN năm học 2021-2020 do Bộ GDĐT tổ chức	5.250.000	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024	17.150.000	
12	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non tại Móng Cái	19.500.000	
	Lĩnh vực Giáo dục Thường xuyên	311.170.000	
1	Tập huấn xóa mù chữ và GDTTSKBC	42.720.000	
2	Hội nghị tập huấn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2023	20.050.000	

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
3	Hội nghị tập huấn hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra đánh giá học viên theo định hướng phẩm chất và năng lực chương trình GDTX cấp THPT	93.470.000	
4	Tặng quà cho Lưu học sinh Lào nhân dịp tết Bunpimay năm 2023	65.200.000	
5	Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 đối với Giáo dục thường xuyên	20.050.000	
6	Khai mạc tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2023	36.210.000	
7	Dự Hội nghị tổng kết năm học 2022-2023 và phương hướng triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với Giáo dục thường xuyên do Bộ GDĐT tổ chức	4.600.000	
8	Dự Hội nghị tập huấn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành GDMN năm 2023 do Bộ GDĐT tổ chức	3.450.000	
9	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ GDTX, xây dựng XHHT tại Tiên Yên	9.020.000	
10	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ GDTX, xây dựng XHHT tại Bình Liêu	14.960.000	
11	Kiểm tra trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn thành phố Cẩm Phả	1.440.000	
VI	LĨNH VỰC VĂN PHÒNG	1.004.704.000	
1	Giải Điền kinh học sinh phổ thông tỉnh Quảng Ninh năm học 2021-2022	336.724.000	
2	Giải Điền kinh học sinh phổ thông toàn quốc năm 2022	280.780.000	
3	Tập huấn chuyên môn công tác Thể thao trường học và NK Giáo dục thể chất toàn ngành cấp tỉnh	32.650.000	
4	Tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng tránh đuối nước và phương pháp giảng dạy bơi, cứu đuối an toàn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên cốt cán GDTC do Bộ GDĐT tổ chức	12.560.000	
5	Tập huấn chuyên môn công tác Thể thao trường học và NK Giáo dục thể chất toàn ngành cấp tỉnh	22.990.000	
6	Hội nghị Tổng kết năm học 2022-2023	110.110.000	
7	Hội nghị bồi dưỡng hè 2023	3.580.000	
8	Hội nghị chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2023; trao tặng danh hiệu NGND, NGU'T	165.210.000	
9	Hội nghị tập huấn công tác y tế trường học	40.100.000	

Phụ biểu 02: Kinh phí tập huấn cho giáo viên chương trình giáo dục phổ thông mới

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng	1.783.000.000	
I	LĨNH VỰC TIỂU HỌC	339.450.000	
1	Tập huấn, chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học các môn Khoa học - lớp 4 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018	28.300.000	
2	Tập huấn, chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học các môn Lịch sử và Địa lý - lớp 4 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018	28.300.000	
3	Tập huấn, chuyên đề môn tiếng Anh cấp tiểu học	19.800.000	
4	Tập huấn, chuyên đề dạy học môn Nghệ thuật - Âm nhạc theo Chương trình GDPT 2018	22.450.000	
5	Tập huấn phương pháp giáo dục với sơ đồ tư duy cấp tiểu học	29.650.000	
6	Tập huấn, hướng dẫn sử dụng tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh đối với lớp 4, 5 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018	31.750.000	
7	Tập huấn giáo dục STEM cấp tiểu học	29.650.000	
8	Tổ chức lựa chọn Sách giáo khoa lớp 4 - năm học 2023-2024	149.550.000	
II	LĨNH VỰC TRUNG HỌC	1.443.550.000	
1	Tập huấn nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Trung Quốc cấp THPT theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018	12.700.000	
2	Tập huấn nâng cao chất lượng dạy tiếng Tiếng Anh cấp Tiểu học Chương trình giáo dục phổ thông 2018	27.000.000	
3	Tập huấn nâng cao chất lượng dạy tiếng Tiếng Anh cấp THCS Chương trình giáo dục phổ thông 2018	24.800.000	
4	Tập huấn nâng cao chất lượng dạy tiếng Tiếng Anh cấp THPT Chương trình giáo dục phổ thông 2018	20.000.000	
5	Tập huấn về nâng cao chất lượng dạy và học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THPT	20.600.000	
6	Tập huấn về nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS	28.400.000	
7	Tập huấn triển khai thực hiện tài liệu giáo dục địa phương lớp 8	66.200.000	
8	Tập huấn triển khai thực hiện tài liệu giáo dục địa phương lớp 11	27.100.000	
9	Kiểm tra chuyên đề việc tổ chức lựa chọn và thực hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa theo chương trình GDPT 2018 trong các cơ sở giáo dục phổ thông	21.450.000	
10	Tham gia tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2023	15.250.000	

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
11	Tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018	22.500.000	
12	Tập huấn chuyên đề về nâng cao chất lượng dạy và học môn Địa lí trong Chương trình GDPT 2018 cấp THPT	15.750.000	
13	Tập huấn chuyên đề về nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật trong Chương trình GDPT 2018 cấp THPT	14.400.000	
14	Tập huấn chuyên đề về nâng cao chất lượng công tác của giáo viên chủ nhiệm đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 cấp THCS	27.000.000	
15	Tập huấn chuyên đề về nâng cao chất lượng công tác của giáo viên chủ nhiệm đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT	21.650.000	
16	Tập huấn khai thác kênh hình trong sách giáo khoa môn lịch sử - Lớp 6	48.300.000	
17	Tập huấn khai thác kênh hình trong sách giáo khoa môn lịch sử - Lớp 10	35.600.000	
18	Tập huấn phương pháp tổ chức Chuyên đề: thực hành lịch sử cấp THCS	360.000.000	
19	Tập huấn phương pháp tổ chức Chuyên đề thực hành lịch sử - lớp 10	146.400.000	
20	Tập huấn phương pháp tổ chức dạy học nội dung HĐTN, HN - cấp THPT	37.900.000	
21	Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn lịch sử - Cấp THCS	93.900.000	
22	Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn lịch sử - Cấp THPT	37.000.000	
23	Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động thư viện trường THCS	177.800.000	
24	Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động thư viện trường THPT	88.350.000	
25	Tổ chức tập huấn công tác xây dựng kế hoạch khai thác và quản lí thiết bị năm học 2023	37.000.000	
26	Tập huấn nội dung giáo dục an toàn giao thông cấp THPT	16.500.000	

Phụ biểu 03: Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Đơn vị sử dụng ngân sách
	TỔNG CỘNG (I + II):	14.000.000.000	
I	Chính sách ưu đãi đối với trường THPT chuyên Hạ Long (Hỗ trợ học sinh đang học tại các lớp chuyên; Thưởng khi nhập học tại trường cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong kỳ thi tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Hạ Long năm 2023; Cấp học bổng học sinh học năm 2023; Chế độ ưu đãi đối với giáo viên dạy môn chuyên tại các lớp chuyên năm 2023; Hỗ trợ nhà trường kinh phí phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy môn chuyên; tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù, chuyên biệt theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên)	8.859.564.000	Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long
II	Hỗ trợ kinh phí tập huấn đội tuyển học sinh giỏi năm 2023	5.140.436.000	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

Mã số DV-C-L-K-NVC: 1043487-422-340-341- 864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	0
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	0
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	78.962.686.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.589.000.000
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	321.000.000
- Kinh phí hợp đồng 68 của cơ quan hành chính nhà nước (do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên)	321.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục và đảm bảo xã hội năm 2023	69.052.686.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT (chỉ cho các trường tư thục)	10.174.500.000
- Kinh phí khen thưởng toàn ngành	6.692.000.000
- Kinh phí hoạt động chuyên môn	13.474.000.000
- Kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	1.720.000.000
- Kinh phí hội khoẻ Phù đồng	1.841.000.000
- Kinh phí tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới	1.783.000.000
- Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	5.140.436.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023 (chỉ cho các trường tư thục)	28.109.750.000
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	42.000.000
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh (Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh)	76.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2022	0



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bạch Đằng

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1038641-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.089.000.000
- Học phí	3.089.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.965.000.000
- Học phí	2.965.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.699.350.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.320.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	9.320.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.379.350.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	60.000.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	268.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	311.850.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	28.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.711.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.332.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.208.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	124.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bãi Cháy****Mã số DV-C-L-K-NVC: 1038107-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.510.000.000
- Học phí	3.510.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.369.000.000
- Học phí	3.369.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.073.250.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.467.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	9.467.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.606.250.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	77.400.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	220.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	311.850.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	35.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.962.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.982.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.841.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	141.000.000



ĐỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cẩm Phả

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042607-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.906.000.000
- Học phí	3.906.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.750.000.000
- Học phí	3.750.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.760.540.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	11.031.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	11.031.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.729.540.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	55.050.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	134.840.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	336.150.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	36.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	2.167.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	2.699.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	2.543.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	156.000.000

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023****Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cửa Ông****Mã số DV- C-L-K-NVC: 1066417-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: đồng*

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. <i>Số thu phí, lệ phí</i>	<i>1.705.000.000</i>
- Học phí	1.705.000.000
- ...	
2. <i>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)</i>	<i>1.637.000.000</i>
- Học phí	1.637.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.616.192.000
1. <i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>0</i>
2. <i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>4.888.000.000</i>
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	4.888.000.000
3. <i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023</i>	<i>1.728.192.000</i>
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	523.898.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	118.694.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	17.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	898.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.079.000.000
- <i>Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang</i>	<i>1.011.000.000</i>
- <i>Nguồn thu sự nghiệp năm 2023</i>	<i>68.000.000</i>



ĐƯ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Thành

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060738-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.118.000.000
- Học phí	2.118.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.033.000.000
- Học phí	2.033.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.114.551.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.578.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.578.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.536.551.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	26.400.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	146.501.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	214.650.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	18.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.131.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	404.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	319.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	85.000.000



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

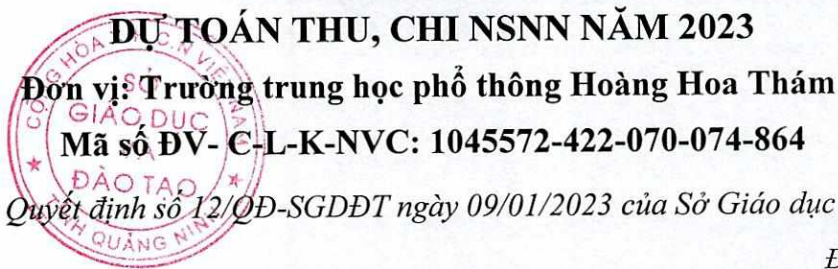
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Triều

Mã số ĐV-C-L-K-NVC: 1038344-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.893.000.000
- Học phí	2.893.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.777.000.000
- Học phí	2.777.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.207.500.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.924.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	8.924.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.283.500.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	56.400.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	254.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	291.600.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	31.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.650.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.122.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.006.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	116.000.000



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045572-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.200.000.000
- Học phí	2.200.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.112.000.000
- Học phí	2.112.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.904.550.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.381.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.381.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.523.550.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	20.400.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	44.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	214.650.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	23.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.221.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	107.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	19.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	88.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt****Mã số ĐV-C-L-K-NVC: 1070908 -422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.862.000.000
- Học phí	2.862.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.747.000.000
- Học phí	2.747.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.353.500.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.320.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	8.320.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.033.500.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	21.150.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	126.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	271.350.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	28.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.587.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.568.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.453.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	115.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040533-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.059.000.000
- Học phí	2.059.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.977.000.000
- Học phí	1.977.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.106.168.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.653.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.653.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.453.168.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	67.500.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	62.718.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198.450.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	17.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.107.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	900.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	818.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	82.000.000

18



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàn Bò

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040497-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.430.000.000
- Học phí	2.430.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.333.000.000
- Học phí	2.333.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.990.794.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.963.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.963.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.027.794.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	254.544.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	183.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	222.750.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	25.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.342.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	908.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	811.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	97.000.000

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023****Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hòn Gai****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1041244-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	5.256.000.000
- Học phí	5.256.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	5.046.000.000
- Học phí	5.046.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.786.047.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.939.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	13.939.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	3.847.047.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	73.350.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	353.597.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	453.600.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	49.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	2.917.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	4.508.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	4.298.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	210.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Chân
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045327-422-070-074-864
(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.659.000.000
- Học phí	1.659.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.593.000.000
- Học phí	1.593.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.699.150.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.377.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	7.377.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.322.150.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	29.100.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	112.850.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	269.700.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	22.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	888.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	255.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	189.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	66.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066411-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.714.000.000
- Học phí	1.714.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.645.000.000
- Học phí	1.645.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.391.850.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.031.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.031.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.360.850.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	47.250.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	180.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	12.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	951.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.087.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.018.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	69.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038245-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.087.000.000
- Học phí	2.087.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.003.000.000
- Học phí	2.003.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.325.820.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.309.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.309.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.016.820.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	491.370.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	164.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198.450.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	20.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.143.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	580.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	496.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	84.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lý Thường Kiệt****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066580-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.125.000.000
- Học phí	1.125.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.080.000.000
- Học phí	1.080.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.216.170.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.310.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.310.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	906.170.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	38.770.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	40.100.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	195.300.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	17.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	615.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	202.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	157.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	45.000.000

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023****Đơn vị: Trường trung học phổ thông Minh Hà****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066421-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
<i>1. Số thu phí, lệ phí</i>	<i>2.046.000.000</i>
- Học phí	2.046.000.000
- ...	
<i>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)</i>	<i>1.964.000.000</i>
- Học phí	1.964.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.831.460.000
<i>1. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>0</i>
<i>2. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>9.227.000.000</i>
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	9.227.000.000
<i>3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023</i>	<i>1.604.460.000</i>
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	40.250.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	91.110.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	344.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	27.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.102.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	825.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	743.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	82.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mông Dương****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061952-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: đồng*

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.730.000.000
- Học phí	1.730.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.661.000.000
- Học phí	1.661.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.433.475.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.605.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	4.605.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.828.475.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	614.628.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	99.747.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	17.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	927.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	312.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	243.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	69.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ngô Quyền****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038341-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.462.000.000
- Học phí	2.462.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.363.000.000
- Học phí	2.363.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.226.900.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.323.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.323.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.903.900.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	78.150.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	214.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	222.750.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	25.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.363.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	888.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	789.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	99.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc nội trú Tỉnh****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1007434-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	923.000.000
- Học phí	923.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	554.000.000
- Học phí	554.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.624.149.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.717.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.972.000.000
- Kinh phí hợp đồng 68 của đơn vị sự nghiệp công lập (do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên)	745.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	6.907.149.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	6.233.799.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	149.850.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	13.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	510.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	686.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	317.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	369.000.000



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Trần Phú

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040581-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.726.000.000
- Học phí	3.726.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.577.000.000
- Học phí	3.577.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.442.005.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	10.050.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	10.050.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	3.392.005.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	795.255.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	166.200.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	328.050.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	32.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	2.070.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.405.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.256.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	149.000.000

18



DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Uông Bí

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1008146-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.645.000.000
- Học phí	3.645.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.499.000.000
- Học phí	3.499.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.695.180.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	10.064.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	10.064.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.631.180.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	56.100.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	172.230.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	311.850.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	34.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	2.056.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	2.344.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	2.198.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	146.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Vũ Văn Hiếu
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040548-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.025.000.000
- Học phí	2.025.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.944.000.000
- Học phí	1.944.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.496.050.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.026.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.026.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.470.050.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	29.400.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	92.200.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198.450.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	22.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.128.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	939.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	858.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	81.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên Tỉnh****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040632-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.370.000.000
- Học phí	2.470.000.000
- Thu khác	900.000.000
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.235.000.000
- Học phí	3.235.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.569.500.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.132.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	4.132.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	437.500.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	12.150.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	28.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	190.350.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	16.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	190.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	1.723.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	1.588.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	135.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đàm Hà****Mã số DV-C-L-K-NVC: 1064535-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	803.000.000
- Học phí	803.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	482.000.000
- Học phí	482.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.541.394.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.439.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	8.439.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.102.394.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	326.794.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	22.100.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	294.000.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	20.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	439.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	670.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	349.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	321.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đường Hoa Cương****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1021834-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	954.000.000
- Học phí	954.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	572.000.000
- Học phí	572.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.704.120.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.912.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.912.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.792.120.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	1.025.670.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	22.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	199.950.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	18.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	526.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	835.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	453.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	382.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông

Mã số ĐV-C-L-K-NVC: 1032557-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	520.000.000
- Học phí	520.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	312.000.000
- Học phí	312.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.245.162.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.359.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.359.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	886.162.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	234.290.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	82.872.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	262.500.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	20.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	286.500.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	504.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	296.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	208.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Quảng Hà****Mã số DV- C-L-K-NVC: 1046356-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.900.000.000
- Học phí	1.900.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.824.000.000
- Học phí	1.824.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.843.290.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.959.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	7.959.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.884.290.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	549.890.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	41.300.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	251.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	31.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.011.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	451.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	375.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	76.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Tiên Yên****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060777-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.155.000.000
- Học phí	1.155.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	693.000.000
- Học phí	693.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.859.970.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.135.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.135.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	1.724.970.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	865.770.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	23.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	178.200.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	20.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	638.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	884.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	422.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	462.000.000

ĐỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tiên Yên

Mã số ĐV-C-L-K-NVC: 1038181-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	468.000.000
- Học phí	468.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	281.000.000
- Học phí	281.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.060.628.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.619.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.792.000.000
- Kinh phí hợp đồng 68 của đơn vị sự nghiệp công lập (do ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên)	827.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	8.441.628.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	7.887.728.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	213.900.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	15.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	325.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	352.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	165.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	187.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ba Chẽ****Mã số ĐV-C-L-K-NVC: 1042611-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.058.000.000
- Học phí	1.058.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	635.000.000
- Học phí	635.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.142.399.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.734.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.734.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.408.399.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	1.607.095.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	44.704.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170.100.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	16.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	570.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	903.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	480.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	423.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bình Liêu****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038352-422-070-074-864***(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: đồng*

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. <i>Số thu phí, lệ phí</i>	446.000.000
- Học phí	446.000.000
- ...	
2. <i>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)</i>	268.000.000
- Học phí	268.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.649.080.000
1. <i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	0
2. <i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	6.236.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.236.000.000
3. <i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023</i>	1.413.080.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	792.180.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	153.400.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	210.000.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	16.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	241.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	405.000.000
- <i>Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang</i>	227.000.000
- <i>Nguồn thu sự nghiệp năm 2023</i>	178.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cô Tô****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061364-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	446.000.000
- Học phí	446.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	268.000.000
- Học phí	268.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.328.364.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.756.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	4.756.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	572.364.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	141.614.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	38.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	141.750.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	10.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	241.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	326.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	148.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	178.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hoàn Mỹ****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1083045-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	468.000.000
- Học phí	468.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	281.000.000
- Học phí	281.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.960.347.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.583.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	7.583.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.377.347.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	1.655.260.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	175.837.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	278.250.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	21.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	247.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	402.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	215.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	187.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1032556-422-070-074-864

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	473.000.000
- Học phí	473.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	284.000.000
- Học phí	284.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.234.100.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.751.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	5.751.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	483.100.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	7.350.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	25.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	183.750.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	15.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	252.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	334.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	145.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	189.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032463-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	433.000.000
- Học phí	433.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	260.000.000
- Học phí	260.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.285.880.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.463.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	6.463.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	822.880.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	247.130.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	78.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	241.500.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	17.500.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	238.750.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	342.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	169.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	173.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hải Đảo****Mã số DV- C-L-K-NVC: 1041365-422-070-074-864**

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.007.000.000
- Học phí	2.007.000.000
- ...	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.927.000.000
- Học phí	1.927.000.000
- ...	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.866.035.000
1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.387.000.000
- Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở	9.387.000.000
3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao lĩnh vực giáo dục năm 2023	2.479.035.000
- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	930.485.000
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	110.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	311.550.000
- Kinh phí cấp tài khoản trực tuyến chương trình GDPT mới	30.000.000
- Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 - 2023	1.097.000.000
III. Nguồn cải cách tiền lương năm 2023	560.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2022 chuyển sang	480.000.000
- Nguồn thu sự nghiệp năm 2023	80.000.000